

Số: /2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT**Về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non (bao gồm giáo viên, cô nuôi dạy trẻ, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhiệm nhà trẻ, phó chủ nhiệm nhà trẻ) đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Giáo viên mầm non đáp ứng đồng thời tất cả các điều kiện sau:

a) Đã có thời gian tham gia công tác (bao gồm thời gian giảng dạy, giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ) tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non) ở các xã, phường, khu phố, thôn, làng, bản, nông lâm trường, đội sản xuất, hợp tác xã, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, xí nghiệp, cơ quan ... trong giai đoạn từ năm 1960 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 1995;

b) Đã nghỉ công tác nhưng chưa được hưởng lương hưu hoặc có được hưởng lương hưu nhưng thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo quy định tại điểm a khoản này không được tính vào thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để hưởng lương hưu;

c) Chưa hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu.

2. Ủy ban nhân dân các cấp.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức trợ cấp

1. Giáo viên mầm non quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng trợ cấp một lần tính theo thời gian công tác, giảng dạy, nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (sau đây gọi chung là thời gian công tác) thực tế chưa được hưởng chế độ.

2. Mức trợ cấp một lần đối với trường hợp đã nghỉ công tác nhưng chưa được hưởng lương hưu như sau:

a) Trường hợp có thời gian công tác từ đủ 03 năm (36 tháng) trở xuống tại cơ sở giáo dục mầm non thì được hưởng mức trợ cấp bằng 6.500.000 đồng;

b) Trường hợp có thời gian công tác trên 03 năm thì từ năm thứ 4 trở đi cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được cộng thêm 800.000 đồng.

Khi tính thời gian thực hiện chế độ trợ cấp một lần, nếu có tháng lẻ thì cứ đủ 01 tháng (30 ngày) thì mỗi tháng được cộng thêm 67.000 đồng. Số ngày công tác còn dư không đủ 01 tháng không được hưởng.

c) Trường hợp có thời gian tham gia công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non gián đoạn thì được cộng dồn để tính hưởng chế độ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Trường hợp vừa có giai đoạn xác định được thời gian công tác vừa có giai đoạn không xác định được thời gian công tác, thì tổng thời gian của các giai đoạn xác định được thời gian công tác được tính làm căn cứ để hưởng chế độ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Trường hợp không xác định cụ thể thời gian tham gia công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non hoặc không có giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này để chứng minh đã có thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm cả trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết này) thì được hưởng mức trợ cấp một lần bằng 6.500.000 đồng.

4. Trường hợp đã hưởng trợ cấp một lần đối với thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 thì được hưởng mức trợ cấp một lần bằng 6.500.000 đồng.

5. Trường hợp được hưởng lương hưu nhưng thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 không được tính vào thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để hưởng lương hưu thì được hưởng mức trợ cấp một lần bằng 6.500.000 đồng.

6. Trường hợp giáo viên đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo quy định tại Nghị quyết này, chưa được giải quyết chế độ mà từ trần thì người đại diện hợp pháp

của thân nhân giáo viên mầm non đã từ trần (bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi) làm hồ sơ và nhận chế độ trợ cấp theo quy định. Người đại diện theo ủy quyền của thân nhân giáo viên mầm non đã từ trần chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ và khoản tiền trợ cấp nhận được.

Trường hợp giáo viên mầm non bị mất năng lực hành vi dân sự thì người giám hộ hoặc người giám hộ đương nhiên theo quy định của pháp luật về dân sự (sau đây gọi chung là người giám hộ) làm hồ sơ và nhận chế độ trợ cấp theo quy định. Người giám hộ chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ và khoản tiền trợ cấp nhận được.

Điều 4. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp

1. Thành phần hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp

a) Thành phần hồ sơ đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh đã có thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non gồm: Bản khai của giáo viên mầm non hoặc thân nhân, người giám hộ theo quy định tại khoản 2 Điều này; các hồ sơ, giấy tờ chứng minh đã có thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Thành phần hồ sơ đối với trường hợp có người làm chứng gồm: Bản khai của giáo viên mầm non hoặc thân nhân, người giám hộ theo quy định tại khoản 2 Điều này; Bản xác nhận của 02 người làm chứng theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Thành phần hồ sơ đối với trường hợp phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở giáo dục mầm non từng hoạt động và giáo viên từng có thời gian công tác tại cơ sở giáo dục mầm non gồm: Bản khai của giáo viên mầm non hoặc thân nhân, người giám hộ theo quy định tại khoản 2 Điều này; Đơn đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở giáo dục mầm non từng hoạt động và giáo viên mầm non đã có thời gian công tác theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Bản khai của giáo viên mầm non theo Mẫu số 1 hoặc bản khai của thân nhân, người giám hộ theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu của giấy tờ chứng minh đã có thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này bao gồm một trong các loại giấy tờ sau đây:

a) Quyết định điều động, giao nhiệm vụ, bổ nhiệm;

b) Quyết định nghỉ công tác;

c) Lý lịch cán bộ, công chức, viên chức của giáo viên mầm non, trong đó có thể hiện thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục;

d) Lý lịch đảng viên của giáo viên mầm non, trong đó có thể hiện thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục;

đ) Giấy khen, bằng khen của giáo viên mầm non, trong thời gian công tác, giảng dạy tại các nhà trẻ, lớp mẫu giáo, lớp võ lòng;

e) Các giấy tờ khác của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có thể hiện giáo viên mầm non đã có thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục.

4. Trường hợp giáo viên mầm non không còn một trong các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này thì phải có bản xác nhận của 02 người làm chứng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo Mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Trong đó, người làm chứng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người trực tiếp quản lý giáo viên mầm non;

b) Người có thẩm quyền điều động, giao nhiệm vụ, bổ nhiệm giáo viên mầm non;

c) Người từng là đồng nghiệp của giáo viên mầm non.

Nếu người làm chứng thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết này thì người làm chứng phải có đủ hồ sơ minh chứng theo quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Người từng là người học của giáo viên mầm non.

đ) Người làm chứng thuộc các trường hợp quy định tại khoản này phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận của mình.

5. Trường hợp giáo viên mầm non không còn một trong các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này và không có người làm chứng xác nhận theo quy định tại khoản 4 Điều này thì giáo viên mầm non phải có đơn đề nghị theo Mẫu số 4 hoặc thân nhân, người giám hộ phải có đơn đề nghị theo Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở giáo dục mầm non từng hoạt động và giáo viên mầm non đã có thời gian công tác. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận giáo viên mầm non đã có thời gian công tác theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

Trường hợp giáo viên mầm non công tác ở nhiều cơ sở giáo dục mầm non khác nhau đóng trên địa bàn nhiều xã khác nhau thì giáo viên mầm non phải có đơn đề nghị gửi ít nhất một Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giáo viên từng có thời gian công tác.

Điều 5. Quy trình và thời hạn giải quyết chế độ trợ cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo trên đài truyền thanh xã hoặc trang thông tin điện tử của xã, thông báo về thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp,... (sau đây gọi chung là thôn) trên địa bàn xã và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân

cấp xã về việc thu nhận hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non. Thời hạn thu nhận hồ sơ theo từng đợt trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo.

Việc giải quyết chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non được thực hiện ít nhất 02 đợt/năm.

2. Giáo viên mầm non, thân nhân, người giám hộ của giáo viên mầm non nộp hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp

a) Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh đã có thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non: Giáo viên mầm non hoặc thân nhân hoặc người giám hộ nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú. Bản khai được gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú;

b) Đối với trường hợp có người làm chứng: Giáo viên mầm non hoặc thân nhân hoặc người giám hộ nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú. Hồ sơ được gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú;

c) Đối với trường hợp phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giáo viên từng có thời gian công tác tại cơ sở giáo dục mầm non

- Giáo viên mầm non hoặc thân nhân hoặc người giám hộ làm đơn đề nghị theo Mẫu số 4 hoặc Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở giáo dục mầm non từng hoạt động và giáo viên mầm non đã có thời gian công tác.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo trên Đài truyền thanh xã, trang thông tin điện tử của xã, thông báo về thôn nơi cơ sở giáo dục mầm non từng đóng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách giáo viên mầm non đề nghị xác nhận đã có thời gian công tác tại cơ sở giáo dục mầm non. Thời hạn thông báo trong vòng 15 ngày.

- Sau thời gian thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào Mẫu số 4 hoặc Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo về danh sách giáo viên mầm non đề nghị xác nhận đã có thời gian công tác tại cơ sở giáo dục mầm non thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh và giải quyết theo nội dung đơn khiếu nại, tố cáo. Thời hạn giải quyết theo quy định về khiếu nại, tố cáo.

- Sau khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, giáo viên mầm non hoặc thân nhân hoặc người giám hộ nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú;

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú thành lập Hội đồng để xác định những đối tượng đủ điều kiện. Hội đồng có trách nhiệm rà soát, phân loại hồ sơ và lập biên bản xác nhận hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Thành phần Hội đồng có 07 hoặc 09 thành viên, gồm đại diện: Ủy ban nhân dân, Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc, Hội cựu Giáo chức, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng thôn (tổ dân phố, ấp, phum, sóc...) và đại diện các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan nơi có giáo viên đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Phó chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội; Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là đại diện Phòng Văn hóa - Xã hội.

Cuộc họp của Hội đồng được tổ chức khi có mặt ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng tham dự.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú niêm yết kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên đài truyền thanh xã, trang thông tin điện tử của xã, thông báo danh sách dự kiến về thôn trên địa bàn xã (nơi có giáo viên mầm non đề nghị hưởng chế độ đang thường trú hoặc tạm trú) trong 15 ngày kể từ ngày có kết quả xét duyệt hồ sơ.

Trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo về kết quả xét duyệt hồ sơ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh và giải quyết theo nội dung đơn khiếu nại, tố cáo. Thời hạn giải quyết theo quy định về khiếu nại, tố cáo.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn niêm yết kết quả xét duyệt hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo kèm theo hồ sơ đề nghị của giáo viên mầm non hoặc thân nhân hoặc người giám hộ, biên bản của Hội đồng và bản niêm yết kết quả xét duyệt hồ sơ).

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Mặt trận Tổ quốc, Hội cựu Giáo chức cùng cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có) hoàn thành việc xét duyệt, thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, đối chiếu dữ liệu để xác nhận đối tượng chưa được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc hay chế độ hưu trí.

7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non. Trường hợp không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho giáo viên mầm non hoặc thân nhân hoặc người giám hộ và nêu rõ lý do.

8. Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo chuyển quyết định kèm theo hồ sơ xét hưởng của đối tượng về Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện chế độ trợ cấp và quản lý, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

9. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về giải quyết chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp cho các giáo viên mầm non được hưởng.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện được cân đối, phân bổ trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện trợ cấp quy định tại Nghị quyết này cho các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa phương không cân đối được ngân sách.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này bảo đảm chặt chẽ, công khai, chính xác, thuận tiện, không để xảy ra sai sót, tiêu cực;

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thực hiện chính sách, chế độ và quyết định theo thẩm quyền phân cấp quản lý; thực hiện chi trả chế độ trợ cấp cho giáo viên mầm non chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2029;

c) Báo cáo kết quả giải quyết chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo dục, tổ chức và cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Tiến Châu